

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-PT

Ngày 22 - 9 - 2025

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Những người tiến hành tố tụng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh, Bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2025/HNGĐ-PT ngày 04/9/2025 về Yêu cầu giải quyết ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐ- ngày 15/9/2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mè Thị V - Sinh năm: 1973. Địa chỉ: Bản L, xã Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Ông Lò Văn A, sinh năm 1976. Địa chỉ: Bản L, xã Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn Q – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1996, chị Lò Thị N, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản C, xã Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mè Thị V trình bày:

Bà Mè Thị V và ông Lò Văn A tự nguyện kết hôn ngày 21/11/1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông A sau khi uống rượu thường xuyên chửi bới, đánh đập bà V đến mức bà V phải đi viện điều trị vết thương. Để bảo vệ bản thân trước hành vi bạo lực của

chồng, bà V phải bỏ nhà đi ở với con gái, con rể từ tháng 02/2025. Bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 01 con gái là chị Lò Thị N, sinh năm 1998 đã trưởng thành. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà sàn 03 gian 02 trái lợp ngói, trên diện tích đất 260m² đất ở nông thôn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên bà Mè Thị V; 01 xe ô tô 05 chỗ và khoản tiền tiết kiệm gửi ngân hàng 180.000.000 đồng. Bà yêu cầu được chia ½ giá trị khối tài sản chung.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lò Văn A trình bày:

- Ông Lò Văn A nhất trí ly hôn bà V; không nhất trí chia tài sản chung cho bà V; yêu cầu con gái, con rể (Lò Thị N và Hoàng Văn T) trả nợ số tiền 92.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Văn T, chị Lò Thị N: Vợ chồng anh không vay nợ tiền ông A bà V. Tháng 6/2023 ông A, bà V có cho vợ chồng anh số tiền 113.000.000 đồng để mua xe ô tô biển kiểm soát 26A – 140.70 phục vụ nhu cầu đi lại của cả gia đình. Nay ông A cho rằng chiếc xe là tài sản chung của ông A, bà V, anh T, chị N nhất trí trả lại xe cho ông A, bà V.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2025/HNGĐ-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La), tỉnh Sơn La đã xét xử và quyết định:

Căn cứ Điều 51, 56, 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 157, 165, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1;

1. Xử cho bà Mè Thị V được ly hôn ông Lò Văn A.

2. Chia tài sản chung cho bà Mè Thị V và ông Lò Văn A như sau:

2.1- Chia cho bà Mè Thị V: Quyền sử dụng 159,4m² (*Một trăm năm mươi chín phẩy bốn mét vuông*) đất ở nông thôn trong số 260m² đất ở nông thôn (ONT) đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 703110 ngày 03 tháng 11 năm 2011 mang tên bà Mè Thị V, trị giá 111.580.000 đồng; Tạm giao cho bà V 123,5m² đất vườn chưa được cấp quyền sử dụng liền kề với 159,4m² đất ở nông thôn đã được cấp quyền sử dụng. D giới thửa đất được xác định bởi các điểm 1-2-3-16-17-18-19-20-21-4-5-6-1 tại Mảnh trích đo địa chính số: TĐ171-2025 ngày 17/4/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y (Đính kèm bản án); 140.000.000 đồng tiền tiết kiệm.

Tổng giá trị tài sản bà Mè Thị V được chia là 251.580.000 đồng (*Hai trăm năm mươi một triệu đồng*).

2.2- Chia cho ông Lò Văn A: Quyền sử dụng 100,6m² (*Một trăm phẩy sáu mét vuông*) đất ở nông thôn trong số 260m² đất ở nông thôn (ONT) đã được UBND

huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 703110 ngày 03 tháng 11 năm 2011 mang tên bà Mè Thị V, trị giá 70.420.000 đồng; Tạm giao cho ông A 271,0m² (Hai trăm bảy mươi một mét vuông) đất vườn chưa được cấp quyền sử dụng liền kề với 100,6m² đất ở nông thôn đã được cấp quyền sử dụng. D giới thửa đất được xác định bởi các điểm 2-7-9-10-11-12-13-14-15-16-3-2 tại Mảnh trích đo địa chính số: TĐ171-2025 ngày 17/4/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y (Đính kèm bản án); 01 nhà sàn cột gỗ, thưng gỗ, mái lợp ngói, nền đất, sàn tre, diện tích 12,2m x 8,5m = 103,7m², có giá 61.162.260 đồng; Bán mái, cột thép, mái fibro xi măng, không tường, diện tích 9,2m x 11,9m = 109,48m², có giá 29.034.096 đồng; Bếp khung cột gỗ, sàn tre, mái lợp ngói, dài 05m x 4,8m = 24m², có giá 9.892.800 đồng; Nhà vệ sinh mái đổ bê tông, tường 110, mái bê tông cốt thép, diện tích 3m x 2,2m = 6,6m², có giá 9.296.100 đồng; Bể nước xây gạch 110, đáy đổ bê tông cốt thép, không nắp, diện tích 1,75 x 1,5 x 1,4 = 3,68m³, có giá 1.711.200 đồng; 01 xe ô tô biển kiểm soát 26A-140.70, trị giá 50.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền tiết kiệm.

Tổng giá trị tài sản ông Lò Văn A được chia là 251.516.456 đồng (*Hai trăm ba mươi một triệu, năm trăm mười sáu nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng*).

3. Ông Lò Văn A có nghĩa vụ di chuyển ngôi nhà sàn và bán mái ra khỏi phần đất bà Mè Thị V được chia.

4. Bà Mè Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lò Văn A 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền tiết kiệm.

5. Anh Hoàng Văn T, chị Lò Thị N có nghĩa vụ giao 01 xe ô tô Brand HUYNDAI – Biển số đăng ký 26A – 140.70 (Đăng ký năm 2008), kèm đăng ký xe cho ông Lò Văn A.

6. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lò Văn A trả cho bà Mè Thị V $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.974.000 đồng (*Hai triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/7/2025 bị đơn ông Lò Văn A có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung. Không nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm chia quyền sử dụng đất diện tích 159,4m² đất ở nông thôn trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE: 703110 cấp ngày 03/11/2011 và chia quyền sử dụng đất 123,5m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mè Thị V; không nhất trí việc chia ô tô biển kiểm soát 26A – 140.70 cho ông; không nhất trí việc di chuyển ngôi nhà sàn và bán mái ra khỏi phần đất được chia cho bà Mè Thị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận về việc chia tài sản chung như sau:

Ông Lò Văn A được quyền sử dụng tài sản chung là 260m² đất ở nông thôn có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Mè Thị V và 394,5m² đất chưa được cấp quyền sử dụng cùng toàn bộ tài sản trên đất, ông A có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho bà Mè Thị V số tiền 200.000.000đ.

Bà Mè Thị V được sở hữu số tài sản chung gồm: số tiền tiết kiệm là 160.000.000đ; 01 xe ô tô Brand HUYNDAI, biển số đăng ký 26A – 140.70; số tiền 200.000.000đ do ông A thanh toán chênh lệch tài sản.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 10/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/7/2025, bị đơn ông Lò Văn A có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La), tỉnh Sơn La. Xét thấy đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do vậy được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn ông Lò Văn A có địa chỉ cư trú tại Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La (nay là bản L, xã Y, tỉnh Sơn La). Tòa án nhân dân huyện Yên Châu (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Sơn La) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với các nội dung kháng cáo của bị đơn về tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ lời khai, trình bày, tài liệu của các đương sự cung cấp và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/3/2025, tài sản chung của vợ chồng ông A, bà V gồm có:

01 nhà sàn cột gỗ, thưng gỗ, mái lợp ngói, nền đất, sàn tre, diện tích 12,2m x 8,5m = 103,7m² có giá 61.162.260 đồng được dựng trên thửa đất số 01 thuộc tờ

bản đồ số 01/BĐ, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn (ONT) có diện tích 260m^2 , đất đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 703110 ngày 03 tháng 11 năm 2011 mang tên bà Mè Thị V, đất có giá 182.000.000 đồng; Bán mái, cột thép, mái fibro xi măng, không tường, diện tích $9,2\text{m} \times 11,9\text{m} = 109,48\text{m}^2$, có giá 29.034.096 đồng; Bếp khung cột gỗ, sàn tre, mái lợp ngói, dài $05\text{m} \times 4,8\text{m} = 24\text{m}^2$, có giá 9.892.800 đồng; Nhà vệ sinh mái đổ bê tông, tường 110, mái bê tông cốt thép, diện tích $3\text{m} \times 2,2\text{m} = 6,6\text{m}^2$, có giá 9.296.100 đồng; Bể nước xây gạch 110, đáy đổ bê tông cốt thép, không nắp, diện tích $1,75 \times 1,5 \times 1,4 = 3,68\text{m}^3$, có giá 1.711.200 đồng

- Diện tích đất $394,5\text{m}^2$ chưa được cấp quyền sử dụng (Trên diện tích đất này có chuồng trại và công trình phụ đã cũ, không còn giá trị sử dụng).

- 01 xe ô tô biển kiểm soát 26A-140.70; số tiền tiết kiệm tổng là 160.000.000đ mang tên Mè Thị V.

Căn cứ vào kết quả định giá ngày 31/3/2025 thì khối tài sản bao gồm nhà, đất, công trình phụ ông A đang quản lý có tổng trị giá là 293.096.456 đồng; 01 xe ô tô biển kiểm soát 26A-140.70, trị giá 50.000.000 đồng do vợ chồng anh T, chị N (con gái và con rể ông A, bà V) quản lý; số tiền tiết kiệm bà V đang quản lý. Tổng giá trị tài sản chung của ông A, bà V là **503.096.456 đồng** (*Năm trăm linh ba triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thống nhất thỏa thuận về việc chia tài sản chung.

Ông Lò Văn A được quyền sử dụng số tài sản chung gồm: 01 nhà sàn cột gỗ, thung gỗ, mái lợp ngói, nền đất, sàn tre, diện tích $12,2\text{m} \times 8,5\text{m} = 103,7\text{m}^2$ có giá 61.162.260 đồng, được dựng trên thửa đất số 01 thuộc tờ bản đồ số 01/BĐ, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn (ONT), diện tích 260m^2 , đất đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 703110 ngày 03 tháng 11 năm 2011 mang tên bà Mè Thị V, đất có giá 182.000.000 đồng; Bán mái, cột thép, mái fibro xi măng, không tường, diện tích $9,2\text{m} \times 11,9\text{m} = 109,48\text{m}^2$, có giá 29.034.096 đồng; Bếp khung cột gỗ, sàn tre, mái lợp ngói, dài $05\text{m} \times 4,8\text{m} = 24\text{m}^2$, có giá 9.892.800 đồng; Nhà vệ sinh mái đổ bê tông, tường 110, mái bê tông cốt thép, diện tích $3\text{m} \times 2,2\text{m} = 6,6\text{m}^2$, có giá 9.296.100 đồng; Bể nước xây gạch 110, đáy đổ bê tông cốt thép, không nắp, diện tích $1,75 \times 1,5 \times 1,4 = 3,68\text{m}^3$, có giá 1.711.200 đồng. Diện tích đất $394,5\text{m}^2$ chưa được cấp quyền sử dụng (Trên diện tích đất này có chuồng trại và công trình phụ đã cũ, không còn giá trị sử dụng).

Tổng trị giá tài sản là: 293.000.000đ.

Ông A có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Mè Thị V số tiền: 200.000.000đ, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/9/2025 ông A đã thanh toán số tiền 100.000.000đ, ông A có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại là 100.000.000đ cho bà V.

Bà Mè Thị V được quyền sở hữu số tài sản chung gồm: 01 xe ô tô biển kiểm soát 26A-140.70 trị giá 50.000.000đ; số tiền tiết kiệm tổng là 160.000.000đ mang

tên Mè Thị V; số tiền 200.000.000đ do ông Lò Văn A thanh toán chênh lệch tài sản. Tổng giá trị tài sản là: 410.000.000đ.

Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về án phí: Do ông Lò Văn A là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn do đó miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông A.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 10/2025/HNGĐ-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Ông Lò Văn A được quyền sở hữu và sử dụng số tài sản chung gồm: 01 nhà sàn cột gỗ, thưng gỗ, mái lợp ngói, nền đất, sàn tre, diện tích 12,2m x 8,5m = 103,7m² có giá 61.162.260 đồng, được dựng trên thửa đất số 01 thuộc tờ bản đồ số 01/BĐ, mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn (ONT), diện tích 260m², đất đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 703110 ngày 03 tháng 11 năm 2011 mang tên bà Mè Thị V, đất có giá 182.000.000 đồng; Bán mái, cột thép, mái fibro xi măng, không tường, diện tích 9,2m x 11,9m = 109,48m², có giá 29.034.096 đồng; Bếp khung cột gỗ, sàn tre, mái lợp ngói, dài 05m x 4,8m = 24m², có giá 9.892.800 đồng; Nhà vệ sinh mái đổ bê tông, tường 110, mái bê tông cốt thép, diện tích 3m x 2,2m = 6,6m², có giá 9.296.100 đồng; Bể nước xây gạch 110, đáy đổ bê tông cốt thép, không nắp, diện tích 1,75 x 1,5 x 1,4 = 3,68m³, có giá 1.711.200 đồng. Diện tích đất 394,5m² chưa được cấp quyền sử dụng (Trên diện tích đất này có chuồng trại và công trình phụ đã cũ, không còn giá trị sử dụng).

Tổng trị giá tài sản là: 293.000.000đ.

Ông A có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Mè Thị V số tiền: 200.000.000đ, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/9/2025 ông A đã thanh toán số tiền 100.000.000đ, ông A có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại là 100.000.000đ cho bà V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Bà Mè Thị V được quyền sở hữu số tài sản chung gồm: 01 xe ô tô biển

kiểm soát 26A-140.70 trị giá 50.000.000đ; số tiền tiết kiệm tổng là 160.000.000đ mang tên Mè Thị V; số tiền 200.000.000đ do ông Lò Văn A thanh toán chênh lệch tài sản. Tổng giá trị tài sản là: 410.000.000đ.

3. Anh Hoàng Văn T, chị Lò Thị N có nghĩa vụ giao 01 xe ô tô Brand HUYNDAI – Biển số đăng ký 26A – 140.70 (đăng ký năm 2008), kèm đăng ký xe cho bà Mè Thị V.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lò Văn A.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2025).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4 – Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- Phòng GD, KT, TT & THA;
- Các đương sự;
- Lưu

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đieu Thị Kim Liên

